

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 29 - 3 - 2019

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Doãn Văn Tuyến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Chiêu. Nghề nghiệp: Giáo viên nghỉ hưu.

Nơi cư trú: Thị trấn Ph, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

2. Ông Tạ Văn Nhật. Nghề nghiệp: Cán bộ nghỉ hưu.

Nơi cư trú: Xã S, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 259/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2018 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 2 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Th, sinh năm 1981; có mặt.

ĐKHKT: Thôn Tr, xã P, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Cụm 5, xã X, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

2. *Bị đơn:* Anh Lương Văn T, sinh năm 1975; vắng mặt.

Địa chỉ, ĐKHKT: Thôn Tr, xã P, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Lê Thị Th trình bày: Chị kết hôn với anh Lương Văn T có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Đ, Thành phố Hà Nội, vào năm 2003.

Sau khi kết hôn chị về sinh sống tại gia đình nhà anh T ở xã P. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không chịu làm ăn, ngày nào cũng rượu chè bê tha rồi say xỉn đánh đập chị nhiều lần. Năm 2015, anh T đánh chị vào đầu và bị thương tích nên chị đã bỏ về gia đình nhà mẹ đẻ ở X để sinh sống. Đến cuối năm 2016, được gia đình động viên nên chị quay trở về chung sống nhưng sau đó anh T vẫn thường xuyên đánh đập chị. Do không chịu đựng được, chị lại bỏ về gia đình nhà mẹ đẻ cùng với hai con ở từ đó đến nay, anh T cũng không quan tâm gì tới chị và con. Nay tình cảm của chị với anh T không còn nên chị tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn để giải phóng cho bản thân.

Về con chung: Chị và anh Lương Văn T có 02 con chung là cháu Lương Thị Tuyết M, sinh ngày 25/6/2004 và cháu Lương Thùy L, sinh ngày 21/11/2005, hiện nay hai cháu đang ở với chị. Khi ly hôn thì chị xin nuôi hai cháu và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về công sức đóng góp với gia đình hai bên nhà vợ, nhà chồng, nợ chung: Không có. Ngoài các yêu cầu và đề nghị nêu trên, chị không yêu cầu vấn đề gì khác.

* Bị đơn anh Lương Văn T trong quá trình giải quyết đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án, do đó Tòa án đã trực tiếp về địa phương tiến hành các thủ tục tố tụng thì anh T trốn tránh. Vì vậy, Tòa án thực hiện niêm yết các văn bản tố tụng và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa, chị Lê Thị Th giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn anh Lương Văn T và xin được nuôi hai con. Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm; về việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, thu thập chứng cứ, tài liệu và thời hạn chuẩn bị xét xử được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án chấp hành đúng theo trình tự Bộ luật tố tụng dân sự qui định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Th về việc xin ly hôn với anh Lương Văn T; giao cho chị Th nuôi hai cháu Lương Tuyết M và cháu Lương Thùy L. Về tài sản, công sức, nợ chung, không đề nghị giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Lê Thị Th có đơn xin ly hôn với anh Lương Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn Tr, xã P, huyện Đ, Thành phố Hà Nội là quan hệ tranh chấp về Hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Lương Văn T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng trốn tránh, không hợp tác. Tuy nhiên, Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng theo quy định, do anh Lương Văn T không có mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Đ đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Anh Lương Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa vào ngày 13/3/2019 nhưng anh T vắng mặt. Tòa án hoãn phiên tòa và tiếp tục triệu tập nhưng tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt lần thứ hai, không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo qui định của pháp luật.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Th và anh Lương Văn T trên cơ sở kết hôn tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Đ, Thành phố Hà Nội nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào các tài liệu điều tra xác định: Chị Lê Thị Th và anh Lương Văn T trong quá trình sống chung đã có nhiều mâu thuẫn từ lâu và kéo dài đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không chịu khó làm ăn, hay uống rượu và nhiều lần đánh đập chị Th. Cuối năm 2016 chị Th đã bỏ về gia đình nhà mẹ đẻ ở xã X, huyện Đ, sinh sống đến nay, hai bên sống ly thân và không quan tâm đến nhau. Như vậy, tình cảm vợ chồng giữa chị Th và anh T thực sự không còn, cuộc sống chung đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Th về việc xin ly hôn với anh T.

[3]. Về con chung: Chị Lê Thị Th và anh Lương Văn T có 02 con chung là cháu Lương Thị Tuyết M, sinh ngày 25/6/2004 và cháu Lương Thùy L, sinh ngày 21/11/2005. Từ khi hai bên ly thân thì cháu M và L do chị Th chăm sóc và nuôi dưỡng. Để bảo đảm quyền lợi, cũng như việc nuôi dưỡng các cháu được đảm bảo, cần thiết giao cháu M và cháu L cho chị Th nuôi là phù hợp.

Việc cấp dưỡng chị Lê Thị Th không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh T cho đến khi chị Th có yêu cầu. Anh Lương Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4]. Tài sản chung: Chị Lê Thị Th không yêu cầu giải quyết; công sức, nợ chung chị Th xác định không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Th.

Chị Lê Thị Th được ly hôn với anh Lương Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Lương Thị Tuyết M, sinh ngày 25/6/2004 và cháu Lương Thùy L, sinh ngày 21/11/2005 cho chị Lê Thị Th nuôi cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Chị Lê Thị Th không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Lương Văn T cho đến khi chị Th có yêu cầu mới hoặc khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Anh Lương Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, nợ: Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010204 ngày 05/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

5. Quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Lương Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- UBND xã X, huyện Đ, Thành phố Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Doãn Văn Tuyến

